

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **338/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 23/10/2019

Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình
giữa ông Vũ Văn T và bà Chu Thị X

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ma Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Minh Tâm.

2. Ông Hoàng Minh Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Trần Hà Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 23/10/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 313/2019/TLST - HNGĐ, ngày 20/8/2019 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19/9/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 07/10/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Vũ Văn T, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Chu Thị X; sinh năm: 1973; địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản khai, ông Vũ Văn T trình bày:

Ông và bà Chu Thị X kết hôn năm 2001, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, không bị cưỡng ép, lừa dối kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn ngày 26/3/2001 tại UBND xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn, sinh sống tại thôn H, xã P, huyện S. Cuộc sống chung vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên đến tháng 11/2001 thì bà X bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay, ông xác định tình cảm vợ chồng đã hết, không thể tồn tại gia đình hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Chu Thị X.

Về con chung, tài sản, đất đai, công nợ chung: Ông xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần báo gọi bà Chu Thị X đến để giải quyết vụ án nhưng bà X đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay bà X vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của chị Chu Thị Q (em gái ruột của bà X) thì thời gian đầu vợ chồng ông T, bà X chung sống hạnh phúc, đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, từ đó hai người sống ly thân. Hiện nay bà X đi làm công nhân tại tỉnh Y, vẫn thường xuyên về thăm gia đình nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể. Gia đình có nhận được giấy triệu tập của Tòa án nhiều lần và thông báo cho bà X nhưng bà X không đến Tòa án làm việc được và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho ông Vũ Văn T được ly hôn với bà Chu Thị X; ông Vũ Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo cung cấp của Công an xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang thì bà Chu Thị X có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã P, huyện S. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, bà X và gia đình bà X đã biết nhưng bà X không đến Tòa án để làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình dấu địa chỉ và trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Văn T và bà Chu Thị X kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cả hai chỉ chung sống với nhau một thời gian ngắn rồi ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau từ năm 2002, vì vậy không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ nên cần chấp nhận yêu cầu của ông Vũ Văn T là xử cho ông T được ly hôn với bà Chu Thị X.

[2] Về con chung, tài sản, đất đai, công nợ chung: Ông Vũ Văn T không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Ông Vũ Văn T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Vũ Văn T được ly hôn với bà Chu Thị X.
2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Vũ Văn T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002801, ngày 20/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Bà Chu Thị X không phải nộp án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- T.H.A dân sự huyện Sơn Dương;
- UBND xã P (S-TQ);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Ma Thị Tuyết Mai